

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 75/2023/DS-ST
Ngày 18/7/2023
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Yên Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Văn Chương
- Ông Hồ Sỹ Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 98/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 03 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2023/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Thanh X, sinh năm 1961, có mặt;
Địa chỉ: E, tổ C, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Bị đơn:* Bà Nguyễn Thu T, sinh năm 1977, vắng mặt;
Địa chỉ: Số F C, phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
 - Bà Phạm Bùi Lan P, sinh năm 1985, vắng mặt;
Địa chỉ: Số F C, phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
 - Bà Bùi Thị Thanh P1, sinh năm 1984, có mặt;
 - Ông Bùi Văn N, sinh năm 1986, có mặt;
Cùng địa chỉ: E, tổ C, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/03/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Năm 1996 gia đình bà Võ Thị Thanh X có nhận chuyển nhượng diện tích 139,803m² thuộc thửa 71, tờ bản đồ 66 đất nuôi trồng hải sản tại xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhưng chưa có điều kiện kinh tế để lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đầu năm 2019, qua giới thiệu bà X biết bà Nguyễn Thu T có nhận dịch vụ các giấy tờ về đất nuôi trồng thủy sản, theo thỏa thuận bà T nhận làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong vòng 03 tháng với số tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng). Trong thời gian này bà T cho rằng đang gặp khó khăn nên đề nghị bà X cho mượn tiền được bà X đồng ý, ngày 13/03/2019 bà T có viết 1 tờ giấy với nội dung: Tôi Nguyễn Thu T có mượn của chị X số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) và ký tên. Ngày 13/04/2019 bà T nói hồ sơ chưa xong nên lập “Giấy gia hạn hợp đồng dịch vụ” thêm 1 tháng kể từ ngày 14/04/2019 đến ngày 14/05/2019. Bà T lại đề nghị mượn thêm tiền để giao dịch cho nhanh trong vòng 1 tháng, vì tin tưởng nên bà X cho mượn, bà T có viết 1 giấy mượn tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và ký tên.

Sau đó, sang ngày 14/04/2019 để củng cố lòng tin giữa hai bên bà T lập một “Hợp đồng Cam kết giao dịch làm sổ đỏ đất đùng (chủ quyền sử dụng đất)” theo đó bà T nhận làm giấy đỏ trong vòng 1 tháng với số tiền giao dịch 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) và sẽ giao 1 lần khi nhận được sổ đỏ. Còn bà X có nghĩa vụ giao toàn bộ giấy tờ có liên quan đến thửa đất để cho bà T làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến ngày 16/05/2019 bà T đến nhà thông báo giấy tờ gần xong và đề nghị mượn thêm tiền, bà X đồng ý nên bà T yêu cầu bà X chuyển khoản qua số tài khoản tên Phạm Bùi Lan P số 0081001204329 V – Vũng Tàu. Bà X đã chuyển 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) cho bà Phạm Bùi Lan P. Như vậy, tổng cộng bà X đã cho bà T mượn 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng).

Sau ngày 16/05/2019 bà T không có thông báo về tiến độ làm hồ sơ đến đâu, bà X đã nhiều lần yêu cầu trả hồ sơ và trả lại tiền nhưng bà T cứ hứa hẹn và không trả. Đến ngày 13/8/2019 bà T mới hoàn trả toàn bộ hồ sơ và chuyển trả được 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng) vào tài khoản của con trai là Bùi Văn N 0081001289286 V chia làm 2 đợt, 1 lần 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) và 1 lần 3.000.000đ (ba triệu đồng). Bà T còn nợ lại 147.000.000đ (một trăm bốn mươi bảy triệu đồng) và cho đến nay bà T cố tình né tránh không gặp.

Nay bà X yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Nguyễn Thu T phải trả số tiền 147.000.000đ (một trăm bốn mươi bảy triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Bà X chỉ yêu cầu cá nhân bà T trả nợ không liên quan đến chồng bà T vì khi giao dịch chỉ có bà T ký giấy vay tiền và ký kết hợp đồng giao dịch.

Đối với bà Phạm Bùi Lan P: Bà X không biết mặt, không biết bà P nhà ở đâu và làm công việc gì, khi giao dịch không có bà Phạm Bùi Lan P tham gia.

Bà T đề nghị chuyển khoản cho bà Phạm Bùi Lan P nên bà X chuyển khoản, vì vậy bà X yêu cầu cá nhân bà T phải chịu trách nhiệm trả tiền không liên quan đến bà Phạm Bùi Lan P.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thu T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Bùi Lan P:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập bà Nguyễn Thu T, bà Phạm Bùi Lan P đến Tòa án để làm việc nhưng bà T, bà P vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến về nội dung vụ án. Theo xác nhận của Công an phường D, thành phố V hiện nay bà T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số F C, phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu còn bà P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số F C, phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Thanh P1 trình bày:

Bà P1 là con gái của bà Võ Thị Thanh X, bà P1 có biết việc bà X cho bà Nguyễn Thu T mượn tiền là đúng sự thật, nhưng cụ thể số tiền vay và các lần vay như thế nào thì bà P1 không biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn N trình bày:

Ông Bùi Văn N là con ruột của bà Võ Thị Thanh X, ông N có biết việc đầu năm 2019 bà X có giao dịch với bà T làm giấy tờ dùng với số tiền 700.000.000 đồng nhưng làm không được đã trả lại hồ sơ. Bà T có mượn của bà X nhiều lần số tiền 170.000.000 đồng, bà T có trả cho bà X 2 đợt số tiền 23.000.000 đồng vào tài khoản của ông N mang số 0081001289286 Vietcombank V. Sau khi nhận được tiền ông N đã rút tiền đưa lại cho bà X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn bà Nguyễn Thu T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Bùi Lan P không chấp hành pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả lại số tiền vay là 147.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Võ Thị Thanh X khởi kiện bà Nguyễn Thu T về việc yêu cầu trả lại số tiền vay nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài

sản” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố V nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn bà Nguyễn Thu T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Bùi Lan P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử lần hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Đầu năm 2019, bà Võ Thị Thanh X thỏa thuận giao bà Nguyễn Thu T liên hệ với các cơ quan Nhà nước để lập thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nuôi trồng thủy sản với diện tích 139,803m² thuộc thửa 71, tờ bản đồ 66 tại xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với số tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng). Thời hạn hoàn thành công việc trong vòng 1 tháng và sẽ nhận tiền 1 lần ngay khi nhận bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà T cho rằng đang gặp khó khăn nên đề nghị bà X cho mượn tiền được bà X đồng ý thể hiện tại các giấy nhận tiền, cụ thể: Ngày 13/03/2019 số tiền 40.000.000đ; Ngày 13/04/2019 số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng); Ngày 16/05/2019 số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) chuyển khoản qua số tài khoản tên Phạm Bùi Lan P số 0081001204329 V – Vũng Tàu. Mặc dù đây chỉ là những văn bản viết tay không có cơ quan có thẩm quyền chứng thực nhưng đều thể hiện ý chí của các bên, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý ràng buộc về quyền, nghĩa vụ giữa các bên.

Theo các văn bản thỏa thuận như giấy gia hạn hợp đồng dịch vụ ngày 14/04/2019, Hợp đồng Cam kết giao dịch làm sổ đỏ đất dùng (chủ quyền sử dụng đất) chủ yếu giữa bà X, bà T, do không thu thập được lời khai của bà T nên căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp trong đó thể hiện việc bà T có nhận làm dịch vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà X là có thật. Chính từ giao dịch này mà bà T đã vay của bà X số tiền 170.000.000 đồng, bà X đã giao tiền mặt cho bà T trực tiếp nhận là 140.000.000 đồng, còn số tiền 30.000.000 đồng chuyển khoản qua số tài khoản tên Phạm Bùi Lan P số 0081001204329 V – Vũng Tàu. Tòa án đã triệu tập bà Phạm Bùi Lan P tham gia tố tụng nhưng bà Phạm Bùi Lan P vắng mặt không ghi nhận được ý kiến, phía bà X cũng không biết bà Phạm Bùi Lan P là ai, cư trú tại đâu mà chỉ thực hiện theo đề nghị của bà T. Vì vậy ngày 21/04/2023 Tòa án ban hành Công văn số 293/2023/CV-TA gửi cho Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh V1 đề nghị Ngân hàng cung cấp thông tin về số tài khoản mang tên Phạm Bùi Lan P. Ngày 26/04/2023 Ngân hàng có Văn bản số 4430/VTA-KT khẳng định số tài khoản 0081001204329 mở tại V – Vũng Tàu mang tên bà Phạm Bùi Lan P. Như vậy có cơ sở xác định việc bà X đã chuyển số tiền 30.000.000 đồng cho bà Phạm Bùi Lan P nhận là có thật.

Quá thời hạn theo thỏa thuận bà T không làm được thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không nêu lý do tại sao nên bà X yêu cầu giao trả giấy tờ và trả tiền nhưng bà T không chịu trả. Theo lời bà X thì ngày 13/8/2019 bà T mới trả toàn bộ hồ sơ và chuyển trả được 2 đợt với số tiền 23.000.000 đồng vào tài khoản của con trai bà X là ông Bùi Văn N theo số tài khoản 0081001289286 mở tại V. Sự việc này được ông N thừa nhận và đã rút tiền về giao cho bà X.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng tại trụ sở Tòa án và tại nơi cư trú cho bà T, bà Phạm Bùi Lan P, tuy nhiên bà T, bà Phạm Bùi Lan P không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án cũng không phản đối chứng cứ do nguyên đơn cung cấp xem như mặc nhiên từ bỏ các quyền và nghĩa vụ chứng minh theo Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định bà T có vay của bà X số tiền 170.000.000đ đã trả được 23.000.000 đồng còn nợ lại 147.000.000đ, bà X yêu cầu cá nhân bà T thanh toán không liên quan đến chồng của bà T và bà Phạm Bùi Lan P vì chồng của bà T và bà Phạm Bùi Lan P không trực tiếp tham gia giao dịch. Xét việc bà X yêu cầu bà T phải chịu trách nhiệm trả số tiền 30.000.000 đồng vì bà X chuyển tiền theo yêu cầu của bà T, bà X không yêu cầu tính lãi là có căn cứ cần chấp nhận.

Về thời hạn thanh toán: Để đảm bảo quyền lợi của bà X, Hội đồng xét xử buộc bà T thanh toán ngay 1 lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị Thanh P1, ông Bùi Văn N, bà Phạm Bùi Lan P không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án dân sự sơ thẩm có giá ngạch dựa trên số tiền 147.000.000đ đồng là 3.675.000 đồng. Nguyên đơn bà X là người cao tuổi được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 229 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Thanh X về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn bà Nguyễn Thu T.

Buộc bà Nguyễn Thu T phải trả cho bà Võ Thị Thanh X số tiền đặt cọc là 147.000.000đ (một trăm bốn mươi bảy triệu đồng). Về thời hạn thanh toán trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thu T phải nộp số tiền 3.675.000đ (ba triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng). Nguyên đơn bà Võ Thị Thanh X là người cao tuổi được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 05/01/2023. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về quyền yêu cầu thi hành: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THA DS TP Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Yến Oanh

